TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2026/DS-PT
Ngày 19 tháng 5 năm 2026
"V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 về *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 14/10/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 811/2026/QĐPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2026/QĐ-PT ngày 13/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Vĩnh N**, sinh năm 1949 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền do Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long chứng thực ngày 05/3/2026): Bà Lâm Thị Thu N[1], sinh năm 1956 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ Hàm Tân, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long;

2. *Bị đơn*: Ông **Lâm Vĩnh T**, sinh năm 1947 (chết ngày 16/11/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Vĩnh T:

2.1. Anh Lâm Tấn T[1], sinh năm 1968 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

2.2. Anh Lâm Tấn P, sinh năm 1974 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

2.3. Chị Lâm Thị Thanh Đ, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

2.4. Chị Lâm Thị Thanh H, sinh năm 1970 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 06, Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Nay là số 06, Lý Thường Kiệt, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long);

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ (Văn bản uỷ quyền do Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long chứng thực ngày 06/8/2025): Chị Lâm Thị Thanh H, sinh năm 1970 – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự: Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh H, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thu M, Bùi Quốc T[5], Bùi Gia L, Bùi Kim T[4]: Luật sư Phạm Minh Luận, Trưởng Văn phòng luật sư Minh Luận thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long – Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Anh Lâm Trường A, sinh năm 1959 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Xoài Rùm, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Xoài Rùm, xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lâm Trường A (Văn bản uỷ quyền do Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Trà Cú chứng thực ngày 19/3/2024): Bà Lâm Thị Thu N[1], sinh năm 1956 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

3.2. Anh Lâm Trường T[2], sinh năm 1962 – Vắng mặt;

3.3. Anh Lâm Vĩnh P[1], sinh năm 1968 – Vắng mặt;

3.4. Chị Lâm Túy P[2], sinh năm 1970 – Vắng mặt;

3.5. Chị Lâm Thị Thanh T[3], sinh năm 1972 – Vắng mặt;

3.6. Chị Lâm Thị Ánh N[2], sinh năm 1974 – Vắng mặt;

3.7. Anh Lâm Hoàng V, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

3.8. Chị Lâm Thị Thanh H[1], sinh năm 1976 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Long Hiệp, tỉnh Vĩnh Long);

3.9. Ông Lâm Vĩnh H[2], sinh năm 1955 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 2202 W. 155 TH St, GARDENA, CA 90249, Hoa Kỳ;

3.10. Bà Lâm Thị Thu N[1], sinh năm 1956 – Có mặt;

Địa chỉ: ấp Chợ xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long;

3.11. Bà Lâm Thị Thu M, sinh năm 1958 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm 2, xã Đại An, tỉnh Vĩnh Long);

3.12. Chị Lâm Thị Thanh H, sinh năm 1970 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 06, Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Nay là số 06, Lý Thường Kiệt, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long)

3.13. Anh Lâm Tấn P, sinh năm 1974 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Đại An, tỉnh Vĩnh Long);

3.14. Anh Lâm Tấn T[1], sinh năm 1968 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm 2, xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long);

3.15. Chị Lâm Thị Thanh Đ, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

3.16. Ông Bùi Kim T[4], sinh năm 1970 – Xin vắng mặt;

3.17. Anh Bùi Quốc T[5], sinh năm 2000 – Xin vắng mặt;

3.18. Chị Bùi Gia L, sinh năm 2007 – Xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

3.19. Anh Trương Vĩnh P[2], sinh năm 1979 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

Người đại diện hợp pháp của anh Trương Vĩnh P[2] (Văn bản uỷ quyền do Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang, huyện Trà Cú chứng thực ngày 25/3/2024): Bà Lâm Thị Thu N[1], sinh năm 1956 – Có mặt;

Địa chỉ: ấp Chợ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

3.20. Anh Trương Hùng C – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Trường, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Vĩnh Trường, phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long);

3.21. Chị Trương Thị N[3] (Trương Thị N[4]) sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Vàm Rây, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Vàm Vây, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

3.22. Ông Trương Vĩnh T[6], sinh năm 1930 (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Vĩnh T[6]:

3.22.1. Anh Trương Vĩnh P[3], sinh năm 1979 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

3.22.2. Anh Trương Hùng C – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Trường, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Vĩnh Trường, phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long);

3.22.3. Chị Trương Thị N[3] (Trương Thị N[4]) sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Vàm Rây, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp Vàm Vây, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

3.23. Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt;

3.24. Tập đoàn Công nghiệp -Viễn thông Quân đội Viettel Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp (Văn bản uỷ quyền số 12769/GUQ-VLG ngày 22/9/2025): Ông Võ Thanh V[1], Trưởng phòng Hạ tầng Viettel Vĩnh Long – Xin vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Các đương sự: Lâm Thị Thu M, Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thanh H, Bùi Kim T[4], Bùi Quốc T[5], Bùi Gia L;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lâm Vĩnh N bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Phần đất tranh chấp thuộc Thửa đất số 341, diện tích 4.400 m^2 (trong đó Thửa 341 diện tích 4.099,2 m^2 và Thửa 1741 diện tích 250 m^2 thổ cư) và Thửa đất số 530, diện tích 1.000 m^2 (thực đo là 743,8 m^2) cùng Tờ bản đồ số 9, ấp Cà Hom, xã Hàm Giang (nay là ấp Chợ, xã Hàm Tân), huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của cha mẹ ông N tên Lâm L[1] (chết 2006) và Trầm Thị H[4] (chết 1997) để lại không có lập di chúc. Cụ L[1] và cụ H[4] có 07 người con gồm:

- Ông Lâm Vĩnh P^8 (chết năm 2018), có vợ là bà Trầm Thị Túy H^8 (chết năm 2015) và 08 người con gồm: Lâm Trường A, Lâm Trường T^2, Lâm Vĩnh P^1, Lâm Hoàng V, Lâm Túy P^2, Lâm Thị Thanh T^3, Lâm Thị Ánh N^2 và Lâm Thị Thanh H^1.

- Bà Lâm Thiên N^8 (chết năm 2010), có chồng là ông Trương Vĩnh T^6 (chết năm 2021) và 03 người con là: Trương Hùng C, Trương Thị N^3 và Trương Vĩnh P^2.

- Ông Lâm Vĩnh T (chết năm 2021), có vợ là bà Trầm Thị Y (chết năm 2014) và 04 người con gồm: Lâm Tấn T^1, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Tấn P và Lâm Thị Thanh H.

- Và các ông bà: Lâm Vĩnh N; Lâm Thị Thu N^1; Bà Lâm Thị Thu M và Lâm Vĩnh H^2 (định cư tại Hoa Kỳ);

Cụ L^1 và cụ H^4 không có con riêng hay con nuôi. Khi còn sống cụ L^1 và cụ H^4 có chia cho các con đất ruộng cụ thể: Ông Lâm Vĩnh P^8 khoảng 05 công, ông Lâm Vĩnh N khoảng 07 công; ông Lâm Vĩnh T 10 công bà Lâm Thiên N^8 khoảng 03 công; bà Lâm Thị Thu N^1 và Lâm Thị Thu M mỗi người khoảng 05 công, còn lại là phần đất ở chưa chia.

Lúc sinh thời cụ L^1 và cụ H^4 sống chung với ông Lâm Vĩnh T, sau khi hai cụ qua đời thì toàn bộ tài sản này do ông T quản lý; Ông T kê khai và được cấp quyền sử dụng đất không thông qua ý kiến các anh, em trong gia đình.

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản cụ L^1 và cụ H^4 để lại cho ông được hưởng một suất thừa kế theo quy định pháp luật (yêu cầu nhận đất); yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lâm Vĩnh T Thửa đất số 341, diện tích 4.400 m^2 và Thửa đất số 530, diện tích 1.000 m^2 (thực đo là 743,8 m^2) nêu trên. Riêng căn nhà cấp 4 trên đất vào năm 2003 ông Lâm Vĩnh H^2 gửi tiền về xây dựng mục đích là để làm nơi thờ cúng, ông T chỉ đứng ra xây dựng.

Thửa đất số 530 diện tích thực đo là 743,8 m^2 trước đây cụ L^1 đổi của ông Lâm K và bà Trầm Thị N^9 còn việc có bù tiền hay không thì không rõ, mục đích đổi đất là để làm nơi chôn cất cho cụ H^4, nhưng sau này thì không chôn tại Thửa đất số 530 mà chôn cất ngay tại phần đất khác của ông.

Bị đơn ông Lâm Vĩnh T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc Thửa đất số 314, diện tích 4.400 m^2 và Thửa đất số 1741 diện tích 250 m^2 thổ cư và Thửa đất số 530, diện tích thực đo là 743,8m^2, tọa lạc ấp Cà Hom, xã Hàm Giang (nay là ấp Chợ, xã Hàm Tân), huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh là của cụ Lâm L^1 và Trầm Thị H^4 chết để lại không có di chúc. Cụ L^1 và cụ H^4 có 07 người con như ông Lâm Vĩnh N trình bày. Ông T là người sống chung cụ L^1, cụ H^4 cũng như thờ cúng ông bà. Vào năm 1995, cụ L^1 cụ H^4 đã cho ông (cho miệng không có giấy tờ) Thửa đất số 314, cụ L^1 đi kê khai đất cho ông đứng tên và sau đó ông được cấp quyền sử dụng đất, quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1995 không ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Đối với Thửa

đất số 530 thì vào năm 1993 cụ L^1 đã đổi của ông Lâm K và bà Trầm Thị N^9, khi đó ông đã bỏ ra 09 chỉ vàng đưa cho bà N^9 để đổi đất.

Vào năm 2003, ông tách một phần Thửa đất số 314 thành Thửa đất số 1741, diện tích 207 m^2 lên đất ở để xây dựng căn nhà cấp 4. Ông là người bỏ tiền và đứng ra xây dựng căn nhà cấp 4, căn nhà hoàn thành với số tiền khoảng 300.000.000 đồng, lúc xây dựng nhà thì cụ L^1 còn sống, có cho ông 02 cây vàng 24k cất nhà vì cụ L^1 sống cùng ông.

Do di sản thừa kế không còn nên ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông N, ông H^2 và N^1, vì khi còn sống cụ L^1 và cụ H^4 đã có cho đất các con rồi.

Tại Văn bản ngày 04/10/2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lâm Vĩnh H^2 có yêu cầu độc lập như sau: Về nguồn gốc Thửa đất số 314, diện tích 4.400 m^2 (trong đó Thửa đất số 314, diện tích 4.099,2 m^2 và Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2 thổ cư) và Thửa đất số 530, diện tích thực đo là 743,8 m^2 nêu trên là của cha mẹ chết không để lại di chúc. Ông thống nhất với phần trình bày của ông Lâm Vĩnh N về nguồn gốc đất, hàng thừa kế. Năm 2003, ông H^2 bỏ tiền ra xây dựng căn nhà cấp 4, mục đích làm nơi để thờ cúng. Nay ông H^2 yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế cho ông được hưởng căn nhà cấp 4, gắn liền với đất tại Thửa đất số 341. Riêng Thửa đất số 530 thì ông H^2 không yêu cầu chia cho ông.

Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 16/4/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lâm Thị Thu N^1 trình bày: Khi còn sống cha, mẹ có chia cho các con phần đất ruộng cụ thể ông Lâm Vĩnh P^8 khoảng 05 công đất ruộng; bà Lâm Thiên N^8 khoảng 03 công đất ruộng; ông Lâm Vĩnh N 07 công; ông Lâm Vĩnh T 10 công; bà Lâm Thị Thu N^1 và Lâm Thị Thu M 05 công, riêng ông H^2 ở nước ngoài không được chia. Còn lại phần đất vườn thuộc Thửa đất số 314, diện tích thực đo 4.400 m^2 và Thửa đất số 530, diện tích thực đo 743,8 m^2 chưa chia. Nay bà N^1 yêu cầu được hưởng một suất thừa kế đối với Thửa đất số 314 và Thửa đất số 530 (bà yêu cầu được nhận hiện vật). Đối với Thửa đất số 530 là của cha bà cụ L^1 đổi của ông Lâm K và bà Trầm Thị N^9, còn việc có bù tiền hay không bà không rõ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Tấn T^1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà nội đã cho cha của anh là ông Lâm Vĩnh T. Khi còn sống ông, bà nội đã cho đất các con rồi, phần đất tranh chấp là cho cha của anh, do cha của anh sống cùng và phụng dưỡng ông bà nội. Riêng căn nhà cấp 04 là do cha của anh bỏ tiền ra xây dựng nhà, không phải do ông H^2 gửi tiền về. Nên anh không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông N, bà N^1 và ông H.

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú có văn bản trình bày ý kiến như sau: Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Thửa đất số 314, diện tích 4.400 m^2 và Thửa đất số 530, diện tích 1.000 m^2, cùng Tờ bản đồ số 9, ấp Cà Hom, xã Hàm Giang (nay là ấp Chợ, xã Hàm Tân), huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Lâm Vĩnh T ngày 28/11/1995 và ngày 15/5/2006, Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang và các cơ quan chuyên môn đã thẩm

tra làm rõ nguồn gốc đất và thực hiện quy trình cấp giấy đúng trình tự, thủ tục đúng theo quy định và đối tượng tại thời điểm cấp giấy. Tuy nhiên do phần đất tranh chấp thuộc Thửa đất số 314 và Thửa đất số 530 là đất của cụ L^1 và cụ H^4 chết để lại, không có di chúc, nên những người con của cụ L^1 và cụ H^4 được quyền hưởng thừa kế theo pháp luật, do đó việc ông Lâm Vĩnh N có yêu cầu phân chia thừa kế là có có sở. Việc ông N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lâm Vĩnh T là không phù hợp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Vĩnh N và yêu cầu độc lập của bà Lâm Thị Thu N^1 về việc yêu cầu chia thừa kế Thửa đất số 341, diện tích thực đo 4.349,2 m^2 (trong đó Thửa đất số 341 diện tích 4.099,2 m^2 và Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2 thổ cư), Tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Chợ, xã Hàm Giang huyện Trà Cú .

- Chia tài sản chung của hộ và chia thừa kế đối với Thửa đất số 341 diện tích thực đo 4.099,2 m^2, Thửa đất số 1741, diện tích đất ở thực đo 250 m^2 cấp cho hộ ông T. Tổng diện tích 4.349,2 m^2 (đất ở diện tích 121 m^2).

Diện tích 4.349,2 m^2 (trong đó đất ở diện tích 121 m^2) và chia cho 05 thành viên hộ gồm cụ L^1, cụ H^4, ông T, bà Y (vợ ông T) và bà Đ mỗi phần là 869,84 m^2 cây lâu năm và trong đó có 24,2 m^2 đất bằng 633.088.000 đồng/thành viên hộ. Phần của bà Y, ông T, bà Đ diện tích 2.609,5 m^2 trong đó có 72,6 m^2 đất ở, bà Đ và các thừa kế của bà Y ông Thuận gồm: Lâm Tấn T^1, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Tấn P và Lâm Thị Thanh H cùng thống nhất giao cho Lâm Tấn T^1 quản lý tổng giá bằng 1.899.264.000 đồng .

Phần di sản chia thừa kế theo pháp luật cụ L^1, cụ H^4 gồm diện tích 1.739,68 m^2, thành tiền bằng 1.266.176.000 đồng: 09 suất thừa kế (gồm: Các thừa kế của ông Lâm Vĩnh P^8 gồm: Lâm Trường A, Lâm Trường T^2, Lâm Vĩnh P^1, Lâm Hoàng V, Lâm Túy P^2, Lâm Thị Thanh T^3, Lâm Thị Ánh N^2 và Lâm Thị Thanh H^1; Các thừa kế của bà Lâm Thiên N^8 gồm: Trương Hùng C, Trương Thị N^3 và Trương Vĩnh P^3; Các thừa kế của ông Lâm Vĩnh T gồm: Lâm Tấn T^1, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Tấn P và Lâm Thị Thanh H); Lâm Vĩnh N; Lâm Thị N^1; Lâm Vĩnh H^2; Lâm Thị Thu M, mỗi suất bằng 140.686.222 đồng/01 suất thừa kế theo pháp luật.

Trong đó: 01 suất công sức gìn giữ quản lý di sản và công sức chăm sóc nuôi dưỡng cho ông Lâm Vĩnh T và 01 suất do các thừa kế tự nguyện thỏa thuận cho ông H^2, mỗi suất thừa kế theo pháp luật bằng 140.686.222 đồng.

Tạm giao suất thừa kế của ông P^8, bà N^8, bà M, ông T cho anh Lâm Tấn T^1 quản lý, sử dụng, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Tạm giao suất thừa kế diện tích đất 193.3m^2 trong đó 5,37 m^2 đất ở của ông Lâm Vĩnh N, bà Lâm Thị Thu N^1 và 02 suất thừa kế diện tích 386,6 m^2 ông Lâm Vĩnh H^2 được hưởng cho anh Lâm Tấn T^1 quản lý, sử dụng. Anh Lâm Tấn T^1 tạm thay mặt các thừa kế có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho bà Lâm Thị Thu N^1, ông

Lâm Vĩnh N mỗi người số tiền bằng 140.686.222 đồng và thanh toán cho ông H[2] 281.372.444 đồng.

[2] Công nhận Thửa đất số 1741, diện tích thực đo 250 m^2 và các tài sản trên đất cho các thừa kế của ông Lâm Vĩnh T, do anh Lâm Tấn T[1] tạm quản lý, sử dụng, nếu có yêu cầu chia thừa kế sẽ giải quyết bằng một vụ án khác;

[3] Công nhận Thửa đất số 341, diện tích thực đo 4.099,2 m^2 cùng các tài sản và công trình xây dựng trên đất cho các thừa kế của ông Lâm Vĩnh T, do anh Lâm Tấn T[1] tạm quản lý, sử dụng, nếu có yêu cầu chia thừa kế sẽ giải quyết bằng một vụ án khác;

[4] Công nhận Thửa đất số 530, diện tích 1.000 m^2 (thực đo là 743,8 m^2) thuộc quyền sử dụng của ông Lâm Vĩnh T cho các thừa kế của ông Lâm Vĩnh T, do anh Lâm Tấn T[1] tạm quản lý, sử dụng, nếu có yêu cầu chia thừa kế sẽ giải quyết bằng một vụ án khác;

Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 580/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 26/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh.

[5] Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lâm Vĩnh T Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2 và Thửa đất số 341, diện tích 4.150 m^2.

[6] Ông Lâm Tấn T[1] được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất theo quyết định của bản án này, sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị đất cho ông Lâm Vĩnh N, ông Lâm Vĩnh H[2] và bà Lâm Thị Thu N[1].

[7] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Vĩnh N và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thu N[1] về việc yêu cầu chia thừa kế Thửa đất số 530, diện tích thực đo 743,8 m^2.

[8] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lâm Vĩnh H[2] về việc yêu cầu hưởng căn nhà cấp 4 gồm: Nhà chính diện tích 177,4 m^2, nhà sau diện tích 130,5 m^2, cổng tường rào nhà chính diện tích 149,4 m^2, cổng rào nhà kho diện tích 3 m trên Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2.

[9] Phần lối đi vào mộ và đất mộ có diện tích 196,3 m^2 (phần F và phần I) tạm giao cho anh Lâm Tấn T[1] quản lý, các đồng thừa kế cùng có quyền sử dụng để vào thăm viếng mộ không ai được quyền xây dựng công trình trên đất, làm hàng rào, cản trở lối đi chung vào mộ.

[10] Phần diện tích đất 437,5 m^2 thuộc Thửa đất số 339 của ông Trầm Viếng các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2022, các ông bà Lâm Vĩnh N, Lâm Thị Thu N[1], Lâm Vĩnh H[2], Lâm Trường A và Trương Vĩnh P[3] kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N và yêu cầu độc lập của ông H[2], bà N[1] chấp nhận cho ông A được hưởng

một suất thừa kế của ông Lâm Vĩnh P[8]; chấp nhận cho ông P[3] được hưởng một suất thừa kế của bà Lâm Thiên N[8].

Tại Bản án phúc thẩm số 586/2023/DS-PT ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Hủy phần giải quyết tranh chấp thừa kế là Thửa đất số 341 (bao gồm Thửa đất số 341 và Thửa đất số 1741), tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Cà Hom, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh của Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh để giải quyết lại phần đã bị hủy theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý lại vụ án, Tòa án có đưa Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội - Viettel Vĩnh Long tham gia tố tụng;

Viettel Vĩnh Long trình bày: Ngày 17/4/2008 Viettel Trà Vinh có hợp đồng với ông Lâm Vĩnh T thuê vị trí đặt trạm viễn thông đến ngày 16/4/2018 hết hạn và hai bên ký tiếp hợp đồng số TVH0080/HĐTVT-TVH/2018 ngày 17/4/2018 thời hạn kết thúc hợp đồng đến hết ngày 16/4/2028. Nay Viettel yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng đến khi hết hạn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 14/10/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651, 652, 660 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 100, 203 Luật đất đai; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Vĩnh N.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lâm Vĩnh H[2], bà Lâm Thị Thu N[1].

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Lâm L[1] và cụ Trầm Thị H[4] là Thửa đất số 341, diện tích 3.580 m^2 loại đất cây lâu năm, trong này Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2 loại đất ở (diện tích thực đo của hai thửa đất bằng 3.831,1 m^2) Tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chia cho bà Lâm Thị Thu N[1] được hưởng diện tích 414,3 m^2 loại đất cây lâu năm có ký hiệu E1 trên sơ đồ khu đất;

3. Chia cho ông Lâm Vĩnh N được hưởng diện tích 696,4 m^2 loại đất cây lâu năm có ký hiệu G1 trên sơ đồ khu đất;

4. Giao cho các thừa kế của ông Lâm Vĩnh T là: Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thanh H được hưởng diện tích 2.720,4 m^2 trong đó Thửa đất số 341, diện tích 2.470,4 m^2 đất cây lâu năm, Thửa đất số 1741, diện

tích 250 m^2 loại đất ở. Diện tích 2.720,4 m^2 có ký hiệu H1, A, B, C, F2, F1 trên sơ đồ.

5. Tách một phần diện tích 53 m^2 nằm trong phần đất ký hiệu E1 ngang 2,5 mét dài từ đường nhựa vào khu mộ dài 21,23 m phía giáp thửa 339 làm đường đi vào khu mộ.

Giao diện tích 491,9 m^2 đất mồ mả ký hiệu D1 trên sơ đồ và đường đi vào khu mộ ngang 2,5 m, dài 21,23 m (diện tích 53 m^2) nằm trên phần E1 cho các thừa kế ông Lâm Vĩnh T quản lý và không được ngăn cản việc thăm viếng mộ của các con, cháu cụ L^1 và cụ H^4.

Trên đất được chia có tài sản trên đất, phần đất ai được hưởng thì được hưởng tài sản trên đất.

Diện tích đất cho bà Lâm Thị Thu N^1 và ông Lâm Vĩnh N các thừa kế ông Lâm Vĩnh T đang quản lý nên có nghĩa vụ giao lại cho ông N, bà N^1.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo bản án)

6. Buộc các thừa kế của ông Lâm Vĩnh T gồm: Lâm Tấn T^1, Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thanh H thanh toán giá trị thừa kế chênh lệch cho bà Lâm Thị Thu N^1 45.206.000 đồng và ông Lâm Vĩnh H^2 182.952.000 đồng.

Buộc ông Lâm Vĩnh N thanh toán giá trị chênh lệch cho ông Lâm Vĩnh H^2 152.264.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định và định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án, trách nhiệm do chậm thi hành án và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Cùng ngày 27/10/2025, các đương sự: Lâm Thị Thanh H, Lâm Thị Thu M, Lâm Tấn P, Lâm Tấn T^1, Lâm Thị Thanh Đ, Bùi Kim T^4, Bùi Quốc T^5, Bùi Gia L có đơn kháng cáo với cùng yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chia tài sản trong hộ rồi mới xác định phần di sản của cố L^1, cố H^4 để chia thừa kế theo pháp luật, có xem xét việc san lấp, cải tạo đất, tài sản trên đất của bị đơn, chi phí di dời tài sản hoặc huỷ Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lâm Thị Thanh H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chia đất cho 05 thành viên trong hộ gia đình rồi mới lấy 02 phần của cụ L^1 với cụ H^4 ra chia thừa kế theo pháp luật, có tính công sức bồi đắp, cải tạo đất của ông T, tính tiền cây trồng chi phí di dời tài sản cho ông T.

Bà Lâm Thị Thu N^1 không đồng ý kháng cáo của chị Lâm Thị Thanh H và những người kháng cáo do chị Lâm Thị Thanh H làm đại diện. Bà chỉ đồng ý nhận đất, không đồng ý nhận cây trồng trên đất, cũng không đồng ý trả chi phí di dời tài sản mà yêu cầu được để nguyên cây trồng trên đất cho bị đơn được hưởng hoa lợi. Việc chị H và luật sư nói ông T bồi đắp hàng ngàn m^3 đất là không đúng, vì ông T không có bồi đắp đất.

Luật sư Phạm Minh Luận đề nghị xem xét đất do ông T đứng tên hộ gia đình; Ủy ban nhân dân huyện có văn bản xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T là đúng đối tượng và đúng trình tự thủ tục; Theo tập quán ở địa phương thì cha mẹ cho con thì không lập văn bản mà chỉ đồng ý cho con kê khai, đăng ký đất. Ông T kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi cụ L^1 và cụ H^4 còn sống nhưng cụ L^1 và cụ H^4 đều không có ý kiến gì; ông T đã quản lý sử dụng đất ổn định từ năm 1995 cho đến khi tranh chấp là khoảng thời gian rất lâu, đến mấy chục năm nhưng không có ai tranh chấp. Do đó có căn cứ xác định đất là của hộ gia đình ông T, phải chia cho các thành viên trong hộ gồm 05 người rồi mới xác định di sản của hai cụ để chia thừa kế theo pháp luật, có tính đến công sức quản lý của ông T. Ông T đã có yêu cầu tính chi phí bồi đắp khoảng 2.000 m^3 trị giá 500.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Các cây trồng trên đất là do ông T trồng nên phải xem xét cho ông T. Ông T được chia 05 kỷ phần còn ông N, bà N^1 mỗi người chỉ được 01 kỷ phần nhưng Bản án sơ thẩm chia vị trí đất có chiều dài mặt tiền cho ông N, bà N^1 nhiều hơn chia cho ông T là không hợp lý. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần các kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm về tính giá trị cây trồng trên đất và phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự: Lâm Thị Thanh H, Lâm Thị Thu M, Lâm Tấn P, Lâm Tấn T^1, Lâm Thị Thanh Đ, Bùi Kim T^4, Bùi Quốc T^5, Bùi Gia L đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự có kháng cáo gồm: Lâm Tấn P, Lâm Tấn T^1, Lâm Thị Thanh Đ vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp là Lâm Thị Thanh H, còn các đương sự: Lâm Thị Thu M, Bùi Kim T^4, Bùi Quốc T^5, Bùi Gia L đều có yêu cầu xét xử vắng mặt; Các đương sự khác (không có kháng cáo) vắng mặt đều không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành;

[2] Các đương sự tranh chấp thừa kế đối với Thửa đất số 530, diện tích 1.000 m^2 (đo đạc thực tế có diện tích là 743,8 m^2) và Thửa đất số 341, diện tích 4.400 m^2 (đã được tách ra thành 02 thửa gồm: Thửa đất số 341, diện tích 4.099,2 m^2 và Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2) cùng căn nhà trên Thửa đất số 1741.

Các thửa đất đều tọa lạc tại ấp Cà Hom, xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long);

[3] Đối với Thửa đất số 530, diện tích 1.000 m^2 (đo đạc thực tế có diện tích là 743,8 m^2) và căn nhà trên Thửa đất số 1741 đã được giải quyết xong tại Bản án dân sự phúc thẩm số 586/2023/DS-PT ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[4] Thửa đất số 341, diện tích 4.400 m^2 do hộ ông Lâm Vĩnh T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN…QSDĐ/350 QĐ.UBH ngày 28/11/1995. Năm 2003, ông Lâm Vĩnh T tách một phần diện tích của Thửa đất số 341 ra thành Thửa đất số 1741, diện tích 207 m^2 (đo đạc thực tế diện tích là 250 m^2), được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nông thôn số 125/GCN ngày 29/12/2003; Phần còn lại của Thửa đất số 341 có diện tích là 4.099,2 m^2.

[5] Tất cả các bên đương sự đều thừa nhận Thửa đất số 341, diện tích 4.400 m^2 (bao gồm cả Thửa đất số 1741) có nguồn gốc của cụ Lâm L^1 và Trầm Thị H^4; đồng thời tại Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất (bút lục số 127), ông Lâm Vĩnh T đã khai Thửa đất số 341 có nguồn gốc đất là *"Ông bà mua trước 1975"*. Do đó, tuy ông Lâm Vĩnh T là người đứng tên hộ gia đình để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng nguồn gốc đất là của cụ L^1, cụ H^4 tạo lập, không có chứng cứ chứng minh có sự đóng góp của vợ chồng ông T - bà Y và chị Lâm Thị Thanh Đ trong việc tạo lập ra Thửa đất số 341; đồng thời, ông Lâm Vĩnh T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông được cụ L^1 và cụ H^4 tặng cho Thửa đất số 341, nên Bản án sơ thẩm xác định Thửa đất số 341 là di sản của cụ L^1 với cụ H^4 là có căn cứ và vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các đương sự yêu cầu xác định Thửa đất số 341 là tài sản chung của hộ gia đình gồm cụ L^1, cụ H^4, ông T, bà Y và chị Đ.

[6] Cụ L^1 chết ngày 25/12/2006, cụ H^4 chết ngày 02/10/1997 đều không có di chúc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 678 Bộ luật dân sự năm 1995 (luật có hiệu lực pháp luật tại thời điểm cụ H^4 chết), điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005 (luật có hiệu lực pháp luật tại thời điểm cụ L^1 chết) thì di sản của hai cụ được chia thừa kế theo pháp luật cho 07 người con của hai cụ. Ông T có công sức giữ gìn, tôn tạo di sản nên Bản án sơ thẩm đã tính công sức cho ông T bằng 01 kỷ phần thừa kế là phù hợp, các đương sự không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T đã san lấp khoảng 2.000 m^3 đất trị giá 500.000.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đương sự yêu cầu phải tính thêm công sức quản lý, tôn tạo di sản và chi phí san lấp mặt bằng, cải tạo đất cho ông T.

[7] Trên phần đất ký hiệu E1 và phần đất ký hiệu G1 đang tồn tại các tài sản, cây trồng của ông Lâm Vĩnh T không thể di dời, nên công nhận cho người được chia đất tại vị trí ký hiệu E1 và ký hiệu G1 được quyền sở hữu các cây trồng trên phần đất được chia nhưng phải hoàn trả giá trị cây trồng cho ông Lâm Vĩnh T. Riêng cây lộc vừng và cây mai có thể di dời nên buộc ông Lâm Vĩnh T di dời

ra khỏi phần đất chia cho ông Lâm Vĩnh N và bà Lâm Thị Thu N[1], tiền chi phí di dời mỗi bên chịu một nửa. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Biên bản định giá tài sản ngày 18/5/2026 xác định:

Trên phần đất ký hiệu E1 có các tài sản gồm:

11 cây cau x 180.000 đồng/cây = 1.980.000 đồng; 01 cây bơ trị giá 570.000 đồng; 01 cây vú sữa trị giá 1.222.000 đồng; 01 cây nhàu trị giá 80.000 đồng; 02 cây mận x 136.000 đồng/cây = 272.000 đồng; 01 cây mít trị giá 360.000 đồng; Tổng cộng cây trồng trị giá 4.484.000 đồng.

Ngoài ra còn có 01 cây lộc vừng và 63 cây mai kiểng không có khung giá. Tiền công di dời 03 cây mai/ngày công là 400.000 đồng; Tổng trị giá di dời 63 cây mai là (63/3 x 400.000 đồng) = 8.400.000 đồng; di dời cây lộc vừng 400.000 đồng. Tổng tiền công di dời 63 cây mai và 01 cây lộc vừng là 8.800.000 đồng.

Trên phần đất ký hiệu G1 có các tài sản gồm:

160 cây tre x 60.000 đồng/cây = 9.600.000 đồng; 236 cây tầm vông x 20.000 đồng/cây = 4.720.000 đồng; 07 cây dừa x 430.000 đồng/cây = 3.010.000 đồng; 01 cây mù u trị giá 60.500 đồng; 01 cây trôm trị giá 4.697.500 đồng; 03 cây khế (01 cây giá 150.000 đồng/cây và 02 cây giá 125.000 đồng/cây) = 400.000 đồng; Tổng cộng cây trồng trị giá 22.488.000 đồng.

Ngoài ra còn có 17 cây mai không có khung giá. Tiền công di dời 17 cây mai là (17/3 x 400.000 đồng) = 2.266.667 đồng # 2.266.700 đồng.

[8] Các đương sự đều thống nhất không chia thừa kế đối với phần đất nền mộ (ký hiệu D1) có diện tích 491,9 m^2 và tách phần đất ngang 2,5 mét x dài 21,23 mét = 53 m^2 trên phần đất ký hiệu E1 (giáp với phần ký hiệu E2-Thửa đất số 339) làm lối đi vào nền mộ. Như vậy, tổng diện tích chia thừa kế gồm diện tích còn lại của Thửa đất số 341 và Thửa đất số 1741 là 3.831,1 m^2 được chia thành 08 phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 478,88 m^2. Kết quả định giá 700.000 đồng/m^2 nên mỗi kỷ phần có giá trị là 335.216.000 đồng.

Mỗi người con của cụ L[1], cụ H[4] được hưởng 01 kỷ phần là 478,88 m^2, trị giá 335.216.000 đồng; Riêng ông Lâm Vĩnh T được hưởng thêm công sức bằng 01 kỷ phần, nên ông T được hưởng 02 kỷ phần là (478,88 m^2 x 2) = 957,76 m^2, trị giá (335.216.000 đồng x 2) = 670.432.000 đồng.

Ông Lâm Vĩnh H[2] đang định cư ở nước ngoài nên được chia bằng giá trị là 335.216.000 đồng;

Bà Lâm Thị Thu N[1] được hưởng phần đất tại vị trí ký hiệu E1 (diện tích 467,3 m^2, trừ cho phần đất dành làm lối đi vào mộ 53 m^2) có diện tích 414,3 m^2, trị giá 290.010.000 đồng, được sở hữu cây trồng trên đất trị giá 4.484.000 đồng, chịu ½ chi phí di dời cây kiểng với số tiền là 4.400.000 đồng (8.800.000 đồng/2). Tổng cộng 298.894.000 đồng nên bà N[1] được thanh toán thêm phần chênh lệch là (335.216.000 đồng – 298.894.000 đồng) = 36.322.000 đồng;

Ông Lâm Vĩnh N được hưởng phần đất tại vị trí ký hiệu G1, diện tích 696,4 m^2, trị giá 487.480.000 đồng, được sở hữu cây trồng trên đất trị giá 22.488.000 đồng, chịu ½ chi phí di dời cây kiểng với số tiền là 1.133.350 đồng (2.266.700 đồng/2). Tổng cộng 511.101.350 đồng. Ông N phải thanh toán giá trị chênh lệch cho thừa kế khác là (511.101.350 đồng – 335.216.000 đồng) = 175.885.350 đồng.

Một số người thừa kế của các ông, bà: Lâm Vĩnh P^8, Lâm Thiên N^8, Lâm Thị Thu M tự nguyện nhường phần thừa kế cho ông Lâm Vĩnh T; Một số người thừa kế còn lại của các ông, bà: Lâm Vĩnh P^8, Lâm Thiên N^8, Lâm Thị Thu M vắng mặt và không có ý kiến, nên tạm giao kỷ phần thừa kế của các ông, bà: Lâm Vĩnh P^8, Lâm Thiên N^8, Lâm Thị Thu M cho ông Lâm Vĩnh T (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Vĩnh T) quản lý, sử dụng. Trường hợp các thừa kế (vắng mặt và không có ý kiến) của các ông, bà: Lâm Vĩnh P^8, Lâm Thiên N^8, Lâm Thị Thu M có yêu cầu được hưởng thừa kế, thì có thể khởi kiện trong vụ án khác.

[9] Do sửa Bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng được xác định lại như sau:

Chi phí thẩm định, định giá tại cấp sơ thẩm là 25.593.618 đồng, tại cấp phúc thẩm là 5.670.000 đồng. Tổng cộng là 31.263.618 đồng. Mỗi đương sự: Lâm Vĩnh N, Lâm Thị Thu N^1, Lâm Vĩnh H^2 phải chịu mỗi người 1/8 với số tiền là 3.907.952 đồng làm tròn 3.908.000 đồng; ông Lâm Vĩnh T phải chịu 5/8 với số tiền là 19.539.618 đồng.

Ông N, bà N^1 đã nộp tạm ứng 25.593.000 đồng; Chị Lâm Thị Thanh H đã nộp 5.670.000 đồng, nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T còn phải nộp thêm 13.869.618 đồng và ông Lâm Vĩnh H^2 phải nộp 3.908.000 đồng để hoàn trả lại cho ông N, bà N^1.

[10] Do sửa Bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Các ông, bà: Lâm Vĩnh Nghĩa, Lâm Vĩnh Hiếu, Lâm Thị Thu Nguyệt, Lâm Vĩnh Thuận (nay đã chết) đều là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

[11] Từ các phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự: Lâm Thị Thanh H, Lâm Thị Thu M, Lâm Tấn P, Lâm Tấn T^1, Lâm Thị Thanh Đ, Bùi Kim T^4, Bùi Quốc T^5, Bùi Gia L và lời bảo vệ của luật sư cho bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao là phù hợp;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự: Lâm Thị Thanh H, Lâm Thị Thu M, Lâm Tấn P, Lâm Tấn T[1], Lâm Thị Thanh Đ, Bùi Kim T[4], Bùi Quốc T[5], Bùi Gia L; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 14/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

2.1. Xác định Thửa đất số 341, diện tích 3.580 m^2 loại đất cây lâu năm, trong này Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2 loại đất ở (diện tích thực đo của hai thửa đất bằng 3.831,1 m^2) Tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp Chợ, xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long là di sản của cụ Lâm L[1] và cụ Trầm Thị H[4];

2.2. Chia cho bà Lâm Thị Thu N[1] được hưởng diện tích 414,3 m^2 loại đất cây lâu năm có ký hiệu E1 trên sơ đồ khu đất và được sở hữu cây trồng trên đất gồm: 11 (Mười một) cây cau; 01 (Một) cây bơ; 01 (Một) cây vú sữa; 01 (Một) cây nhàu; 02 (Hai) cây mận; 01 (một) cây mít;

2.3. Chia cho ông Lâm Vĩnh N được hưởng diện tích 696,4 m^2 loại đất cây lâu năm có ký hiệu G1 trên sơ đồ khu đất và được sở hữu cây trồng trên đất gồm: 160 (Một trăm sáu mươi) cây tre; 236 (Hai trăm ba mươi sáu) cây tầm vông; 07 (Bảy) cây dừa; 01 (Một) cây mù u; 01 (Một) cây trôm; 03 (ba) cây khế;

2.4. Giao cho ông Lâm Vĩnh T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Vĩnh T gồm: Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thanh H) được hưởng diện tích 2.720,4 m^2 tại các phần đất có ký hiệu H1, A, B, C, F2, F1 trên sơ đồ. Trong đó Thửa đất số 341, diện tích 2.470,4 m^2 đất cây lâu năm và Thửa đất số 1741, diện tích 250 m^2 loại đất ở.

2.5. Tách một phần diện tích 53 m^2 nằm trong phần đất ký hiệu E1 ngang 2,5 mét dài từ đường nhựa vào khu mộ dài 21,23 mét phía giáp Thửa đất số 339 (ký hiệu E2) làm đường đi vào khu mộ.

Giao diện tích 491,9 m^2 đất mồ mả ký hiệu D1 trên sơ đồ và đường đi vào khu mộ ngang 2,5 m, dài 21,23 mét (diện tích 53 m^2) nằm trên phần E1 cho các thừa kế ông Lâm Vĩnh T quản lý và không được ngăn cản việc thăm viếng mộ của các con, cháu cụ L[1] và cụ H[4].

2.6. Chia cho ông Lâm Vĩnh H[4] được hưởng thừa kế trị giá 335.216.000 đồng. Trong đó:

Buộc ông Lâm Vĩnh N thanh toán cho ông Lâm Vĩnh H[2] 175.885.350 đồng *(Một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi đồng).*

Buộc ông Lâm Vĩnh T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Vĩnh T gồm: Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thanh H) thanh toán ông Lâm Vĩnh H[2] 159.330.650 đồng *(Một trăm năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi ngàn sáu trăm năm mươi đồng)* và thanh toán cho bà Lâm Thị Thu N[1] 38.322.000 đồng *(Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi hai ngàn đồng).*

2.7. Buộc ông Lâm Vĩnh T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Vĩnh T gồm: Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thanh H) di dời 17 cây mai trên phần đất ký hiệu G1; Di dời 01 cây lộc vừng, 63

cây mai trên phần đất ký hiệu E1 và giao trả phần đất ký hiệu G1 cho ông Lâm Vĩnh N, giao trả phần đất ký hiệu E1 cho bà Lâm Thị Thu N[1].

2.8. Các phần đất và cây trồng nêu trên được xác định theo Sơ đồ khu đất đính kèm Công văn số 16/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 07/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh (Nay là tỉnh Vĩnh Long), Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2026 và Biên bản định giá tài sản ngày 18/5/2026;

2.9. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.10. Chi phí tố tụng là 31.263.618 đồng.

Mỗi đương sự: Lâm Vĩnh N, Lâm Thị Thu N[1], Lâm Vĩnh H[2] phải chịu là 3.908.000 đồng; ông Lâm Vĩnh T phải chịu là 19.539.618 đồng.

Buộc ông Lâm Vĩnh H[2] phải nộp 3.908.000 đồng *(Ba triệu chín trăm lẻ tám ngàn đồng)* để hoàn trả lại cho ông N, bà N[1].

Buộc ông Lâm Vĩnh T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Vĩnh T gồm: Lâm Tấn T[1], Lâm Tấn P, Lâm Thị Thanh Đ, Lâm Thị Thanh H) phải nộp thêm 13.869.618 đồng *(Mười ba triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm mười tám đồng)* để hoàn trả lại cho ông N, bà N[1].

2.11. Án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông, bà: Lâm Vĩnh Nghĩa, Lâm Vĩnh Hiếu, Lâm Thị Thu Nguyệt, Lâm Vĩnh Thuận (nay đã chết) đều là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho các anh chị: Lâm Tấn Thông, Lâm Tấn Phát, Lâm Thị Thanh Đào, Lâm Thị Thanh Hương tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* theo Biên lai thu tiền số 0000035 ngày 17/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long);

3. Các đương sự có kháng cáo gồm: Lâm Thị Thanh H, Lâm Thị Thu M, Lâm Tấn P, Lâm Tấn T[1], Lâm Thị Thanh Đ, Bùi Kim T[4], Bùi Quốc T[5], Bùi Gia L đều không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp mỗi người 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo các biên lai thu tiền số 0007914 ngày 31/10/2025, các số 0008371, 0008372, 0008369, 0008368, 0008259 (0008358), 0008264 (0008361), 0008294 (0008364) cùng ngày 04/11/2025 (đều do Lâm Thị Thanh Hương nộp) của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT VKSNDTC tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TPQ (41b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công